

TỔNG KẾT PHẦN LÀM VĂN

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được một cách khái quát và hệ thống các nội dung cơ bản (kiến thức, kĩ năng) và cấu trúc của phần Làm văn trong SGK *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, 11, 12).

– Thấy được mối quan hệ giữa phần Làm văn với các phần Văn học và Tiếng Việt.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Đây là bài tổng kết cho phần Làm văn của cấp THPT chứ không phải chỉ dành cho lớp 12. Nó cũng không phải là bài ôn tập cuối năm về Làm văn. Chúng tôi phân biệt bài ôn tập là bài gắn với mỗi học kì chỉ nêu hệ thống câu hỏi để HS tiện ôn tập các nội dung cơ bản trong mỗi phần, ở mỗi học kì. Còn bài tổng kết là bài nêu lên một số vấn đề cơ bản, trọng yếu cần nắm vững của phần Văn học, Tiếng Việt hoặc Làm văn. Nội dung của bài tổng kết vì thế tương đương với bài khái quát về môn học hoặc phân môn (phần). Do điều kiện thời lượng không nhiều nên kết thúc mỗi lớp chỉ có bài ôn tập. Cuối lớp 12, để giúp HS có cái nhìn tổng quát và khắc sâu một số vấn đề cơ bản, thiết yếu về Làm văn nên Chương trình quy định có nội dung : "Hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản, các bước hoàn thiện văn bản nghị luận"⁽¹⁾. Với SGK *Ngữ văn Nâng cao* nội dung này được thể hiện trong bài *Tổng kết phần Làm văn* (2 tiết).

b) Để tổng kết các nội dung của phần Làm văn trong cả cấp học, SGK *Ngữ văn Nâng cao* nêu lên ba vấn đề lớn :

– Mục đích và nhiệm vụ của phần Làm văn trong SGK *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12).

(1) Xem *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Trung học phổ thông – Môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, 2006, tr. 47.

– Cấu trúc các nội dung cơ bản của phần Làm văn trong SGK *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12).

– Mối quan hệ giữa nội dung Làm văn với các phần Văn học và Tiếng Việt.

Về mục đích của dạy học làm văn, SGK *Ngữ văn Nâng cao* nêu lên hai mục đích : dạy cách suy nghĩ và cách diễn đạt (thể hiện) suy nghĩ. Dạy cho HS cách suy nghĩ trước một vấn đề của cuộc sống hoặc của văn học chính là hình thành và rèn luyện tư duy, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm một cách trực tiếp. Tư duy của con người được chia làm hai dạng lớn : tư duy hình tượng và tư duy luận lí (suy lí).

– Tư duy hình tượng là tư duy bằng hình ảnh, vừa cụ thể, sinh động, vừa khái quát được bản chất của hiện tượng, sự vật. Bằng tư duy hình tượng, người ta có thể tái hiện lại bức tranh cuộc sống như nó vốn có, với những con người, sự việc, cảnh sắc,... rất sinh động, tươi mát. Các ngành nghệ thuật đều dựa vào tư duy hình tượng, nhất là thơ văn. Nhà trường phổ thông không có nhiệm vụ và không thể đào tạo ra các nhà văn, nhà thơ (vì đây là lĩnh vực năng khiếu có tính thiên bẩm, thiên phú), nhưng rất cần cung cấp và rèn luyện cho HS những hiểu biết về tư duy hình tượng để người học một mặt biết tiếp nhận (phân tích, cảm nhận, thưởng thức, đánh giá) tác phẩm văn học và nghệ thuật ; mặt khác biết vận dụng chúng trong giao tiếp ở một mức độ nào đó (trong trường hợp một số HS có năng khiếu nghệ thuật thiên phú trở thành nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ,... thì càng có ý nghĩa). Chính vì thế, Chương trình Ngữ văn đưa vào dạy một số kiểu văn bản mang tính hình tượng, rèn luyện tư duy hình tượng như *văn bản tự sự, văn bản miêu tả, văn bản biểu cảm*. Trong chừng mực nào đó, một bài văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm hay của HS cũng có thể coi là những sáng tác văn học.

– Tư duy luận lí là tư duy trừu tượng, khái quát bằng các khái niệm, thuật ngữ khoa học và lập luận lô gích,... Loại tư duy này phù hợp nhiều hơn với các ngành khoa học, nhất là với khoa học tự nhiên. Đối với môn Ngữ văn, phần Tiếng Việt sử dụng nhiều tư duy luận lí. Trong phần Làm văn, *văn nghị luận* chính là kiểu văn bản chủ yếu dùng loại tư duy này. Nếu như văn miêu tả, kể chuyện chỉ qua một số từ ngữ mà lột tả và làm sống dậy trước mắt người đọc thần thái của sự vật, sự việc,... thì văn nghị luận lại tiêu biểu cho cách diễn đạt chặt chẽ, hùng hồn và giàu sức thuyết phục. Nếu như văn hình tượng tác động nhiều vào trí tưởng tượng, kích thích óc quan sát,... thì văn nghị luận tác động mạnh mẽ vào nhận thức lí tính, nâng cao khả năng lập luận, rèn luyện tư duy lô gích cho

người viết. Khác với văn hình tượng, văn nghị luận trình bày tư tưởng và thuyết phục người đọc chủ yếu bằng lí lẽ và lập luận. Nếu như văn hư cấu nhằm kích thích trí tưởng tượng, xây dựng óc quan sát tinh tế với tình cảm chân thực, những khám phá hồn nhiên về thiên nhiên, về đời sống gia đình, xã hội,... thì văn nghị luận nhằm hình thành và phát triển khả năng lập luận chặt chẽ, trình bày những lí lẽ và dẫn chứng một cách sáng sủa, giàu sức thuyết phục, diễn tả những suy nghĩ và nêu ý kiến riêng của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống hoặc trong văn học, nghệ thuật.

c) Cách nghĩ, cách cảm và cách diễn đạt suy nghĩ, tình cảm trước một vấn đề trong cuộc sống xã hội hoặc văn học được coi là phương thức biểu đạt. Có thể có rất nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, nhưng nhà trường phổ thông tập trung vào sáu phương thức chính : *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh* và *hành chính – công vụ*. Sáu phương thức này tạo ra sáu kiểu văn bản tương ứng. Để tạo lập được các kiểu văn bản vừa nêu, phần Làm văn có nhiệm vụ sau đây :

– Cung cấp cho người học những hiểu biết về đặc điểm của sáu kiểu văn bản và cách thức tạo lập sáu kiểu văn bản ấy.

– Thực hành luyện tập để có kĩ năng tạo lập sáu kiểu văn bản (nói và viết) sao cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

d) Cấu trúc chương trình Làm văn trong SGK *Ngữ văn Nâng cao* THPT vừa lập lại vừa nâng cao ; vừa có diện (đủ các kiểu văn bản), vừa có điểm (tập trung cho văn nghị luận). Trọng tâm của lớp 10 là ôn lại các kiểu văn bản đã học ở THCS ; trọng tâm của lớp 11 là các thao tác lập luận (*lập luận phân tích, lập luận so sánh, lập luận bác bỏ* và *lập luận bình luận*), trọng tâm của lớp 12 là tổng kết các dạng nghị luận và hoàn chỉnh kĩ năng viết bài văn nghị luận. Ở cả ba lớp 10, 11, 12, phần nghị luận văn học và nghị luận xã hội đều được bố trí cân đối và coi trọng như nhau. Các dạng đề nghị luận văn học không có gì thay đổi nhiều trừ cách nêu vấn đề có khác trước (trước đây thường là dạng đề đầy đủ các yếu tố, nay có thêm dạng "đề mở", chỉ nêu đề tài, vấn đề). Riêng nghị luận xã hội bên cạnh dạng đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lí quen thuộc, còn có thêm hai dạng mới : *nghị luận về một hiện tượng đời sống* và *nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học*. Cũng như ở cấp THCS, kiểu văn bản hành chính – công vụ không học lập lại mà mỗi lớp học một vài kiểu văn bản thông dụng nối tiếp nhau : lớp 10 với *Văn bản quảng cáo* và *Lập kế hoạch cá nhân* ; lớp 11 học *Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, Bản tin* và

Tiểu sử tóm tắt ; lớp 12 học Phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do, Xây dựng đề cương diễn thuyết và Văn bản tổng kết.

d) Do yêu cầu tích hợp nên các nội dung Làm văn có liên quan nhiều đến các phần Văn học và Tiếng Việt. SGK đã nêu rõ mối quan hệ này. Làm văn trở thành mảnh đất thực hành để củng cố và khắc sâu kiến thức Tiếng Việt và Văn học. Không những thế, nhiều kiến thức làm văn còn soi sáng, giúp cho việc đọc - hiểu văn bản văn học sâu hơn, nhất là những hiểu biết về đặc điểm các kiểu văn bản và các thao tác lập luận.

2. Về phương pháp

Bài học tiến hành trong 2 tiết. Tiết 1 cho HS tìm hiểu phần nội dung tổng kết lí thuyết (ba điểm lớn). Tiết 2 tổ chức cho HS luyện tập để củng cố lại phần lí thuyết trên. Căn cứ vào nội dung của từng mục, GV nêu câu hỏi gợi mở để HS tìm câu trả lời trong SGK. Phần luyện tập chủ yếu để HS tìm hiểu và nêu lên ý kiến của mình.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu. GV nêu mục đích, yêu cầu của bài học.

2. Phần nội dung chính

a) Hướng dẫn HS tìm hiểu mục 1. *Mục đích và nhiệm vụ của phần Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12) bằng một số câu hỏi sau :*

- Theo anh (chị), mục đích của học Làm văn trong nhà trường là gì ?
- Suy nghĩ và diễn đạt khác nhau ở chỗ nào ?
- Nhiệm vụ của phần Làm văn là gì ? Tại sao nói và viết phải phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp ?

b) Hướng dẫn HS tìm hiểu mục 2. *Cấu trúc các nội dung cơ bản của phần Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12).* Mục này SGK đã nêu khá rõ, GV chỉ cần nêu yêu cầu : Căn cứ vào SGK, anh (chị) hãy nêu lên nội dung trọng tâm của mỗi lớp. Sau đó cho HS trao đổi và GV tổng kết như phần *Những điểm cần lưu ý* ở trên.

c) Hướng dẫn HS tìm hiểu mục 3. *Mối quan hệ giữa nội dung phần Làm văn với các phần Văn học và Tiếng Việt* bằng một số câu hỏi sau :

- Làm văn sử dụng những kiến thức nào của phần Văn học và Tiếng Việt ?

– Làm văn có tác dụng như thế nào đối với phân Tiếng Việt và Văn học ?

d) Tổ chức và hướng dẫn HS luyện tập (tiết 2)

GV lần lượt nêu từng nội dung, yêu cầu HS chuẩn bị ra giấy nháp, sau đó cho trao đổi và rút ra kết luận của từng vấn đề.

3. Phần củng cố

GV nhấn mạnh vai trò và tác dụng của việc học làm văn đối với HS : *học cách suy nghĩ và biết diễn đạt suy nghĩ. Cách diễn đạt cần có màu sắc cá nhân, sáng tạo và độc đáo, không sao chép văn mẫu.*

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông cấp Trung học phổ thông – Môn Ngữ văn*, Sđd.

– Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên), *Muốn viết được bài văn hay*, Sđd.

– Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), *Làm văn* (Giáo trình Cao đẳng sư phạm), NXB Đại học Sư phạm, H., 2007.